|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI THI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **VÙNG DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN – BÌNH ĐỊNH**  **ĐỀ THI ĐỀ XUẤT** | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 11, NĂM 2023**  Thời gian làm bài:***180******phút***  *(Đáp án gồm có 7 câu 6 trang)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu I**  **(3,0 điểm)** | **1** | **1. So sánh sự khác nhau trong phân chia mùa do chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời với sự phân chia mùa do gió mùa tạo nên.**  **\* Khái niệm mùa:** Mùa là khoảng thời gian trong năm ở đó có những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu.  **- Nguyên nhân:**  +Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời làm cho lúc nửa cầu này, lúc nửa cầu kia ngả hoặc chếch xa Mặt Trời=> sự thu nhận bức xạ, thời gian chiếu sáng, diện tích phơi ra ánh sáng… khác nhau => nhiệt độ khác nhau=> sinh ra mùa  + Sự phân chia mùa do gió mùa rất phức tạp, chủ yếu do sự nóng lên và lạnh đi không đều giữa các bề mặt lục địa, đại dương rộng lớn khác nhau=> sinh ra chênh lệch khí áp  **- Biểu hiện:**  + Do chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời sinh ra 4 mùa xuân, hạ, thu, đông...rõ rệt (diễn giải)  + Do gió mùa thường có 2 mùa: Mưa và khô (diễn giải), nếu có mùa chuyển tiếp thường ngắn và không thể hiện rõ (diễn giải)  **- Phạm vi:**  + Mùa do chuyển động của Trái Đất thể hiện rõ nhất ở vùng ôn đới  + Mùa do gió mùa thể hiện rõ ở đới nóng và vĩ độ trung bình | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **2** | **2. Phân biệt lớp vỏ Trái Đất và vỏ địa lí. Các quy luật địa lí diễn ra mạnh ở lớp vỏ địa lí hay lớp vỏ Trái Đất tại sao?**  **- Phân biệt:**  + Vị trí, giới hạn, độ dày  + Thành phần cấu tạo  + Lịch sử hình thành, ý nghĩa  **- Các quy luật địa lí diễn ra mạnh ở lớp vỏ địa lí**  + Lớp vỏ địa lí là lớp vỏ cảnh quan bao gồm các thành phần địa lí tự nhiên khí quyển, thủy quyển, thạch quyển, thổ nhưỡng quyển và sinh vật quyển... chúng có mối quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau, cùng chịu sự chi phối của các nguồn năng lượng bên trong (nội lực) và bên ngoài (ngoại lực).  + Lớp vỏ Trái Đất cấu trúc đơn thuần là lớp vỏ cứng, cấu tạo bởi các loại đá khác nhau, trạng thái rắn. | 1,0  0,25  0,25 |
| **Câu II**  **(2,0 điểm)** | **1** | **1. Tại sao tỉ trọng lao động khu vực III của các nước đang phát triển tăng nhưng còn thấp?**  - Tỉ trọng lao động trong khu vực III các nước đang phát triển tăng do  + Nhu cầu về dịch vụ tăng do mức sống, kinh tế phát triển…..  + CN hóa, hiện đại hóa các ngành kinh tế vật chất, lao động được giải phóng…. - Tỉ trọng lao động dịch vụ còn thấp do  + Dịch vụ chưa phát triển theo chiều sâu, chủ yếu là các ngành dịch vụ đơn giản, đòi hỏi ít tri thức chất xám ...  + Trình độ lao động còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiều ngành dịch vụ. | 0,25  0,25    0,25  0,25 |
| **2** | **2. Giải thích đặc điểm phân bố của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trên thế giới.**  - Phân bố rộng rãi trên thế giới. Do đáp ứng nhu cầu con người, tác động đến các ngành khác, …  - Tập trung nhiều ở các nước đang phát triển. Do cần vốn ít, thu hồi vốn nhanh, sử dụng nhiều nguyên liệu, lao động, giải quyết việc làm, hướng đến xuất khẩu…….  - Ở các nước đang phát triển chủ yếu là các ngành đơn giản, ở các nước phát triển tập trung các ngành phức tạp về trình độ kĩ thuật. Nguyên nhân: sản xuất hàng tiêu dùng cơ cấu ngành đa dạng, phù hợp với điều kiện về nguyên liệu, vốn, khoa học kĩ thuật, trình độ lao động và nhu cầu thị trường khác nhau.  - Phân bố theo đặc thù từng phân ngành: gần vùng nguyên liệu hoặc gần thị trường để giảm chi phí vận chuyển, tăng hiệu quả sản xuất. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu III**  **( 3,0 điểm)** | **1** | **1.Chứng minh tài nguyên sinh vật nước ta rất phong phú.**   1. - Sự đa dạng về hệ sinh thái:   + Rừng nguyên sinh đặc trưng là rừng rậm nhiệt đới lá rộng thường xanh  + Rừng thứ sinh và các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa biến dạng khác nhau (dẫn chứng)  - Đa dạng về loài: thành phần nhiệt đới chiếm ưu thế (Họ Đậu, Dầu,…); có thêm loài cận nhiệt, ôn đới (đỗ quyên, lãnh sam…)  - Đa dạng về nguồn gen: phong phú các loài động vật, thực vật, nhiều loài chim, thú… | 0,50  0,25  0,25 |
| **2** | **2.Đai cao cận nhiệt gió mùa trên núi và đai ôn đới gió mùa núi cao có ảnh hưởng như thế nào đến sắc thái nhiên nhiên đới ẩm gió mùa nước ta?**   1. **- Đai cao cận nhiệt gió mùa trên núi:**   + Ở miền Bắc có độ cao từ 600-700m đến 2600m, ở miền Nam từ 900-1000m đến 2600m  + Khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25ºC, mưa nhiều hơn độ ẩm tăng.  + Hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim, trong rừng xuất hiện các loài chim, thú,…   1. **- Đai ôn đới gió mùa trên núi:**   + Đai ôn đới gió mùa trên núi có độ cao từ 2600m trở lên ( chỉ có ở Hoàng Liên Sơn)  +Khí hậu có nét giống khí hậu ôn đới, quanh năm nhiệt độ dưới 5ºC; các loài thục vật ôn đới như đỗ quyên, thiết san. Đất mùn thô.  **-Ảnh hưởng:**  + Đai nhiệt đới gió mùa vùng đồi núi thấp và chân núi ở nước ta chiếm đại bộ phận lãnh thổ, tạo ra tính chất tiêu biểu chung cho thiên nhiên nước ta là thiên nhiên nhiệt đói ẩm gió mùa  + Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ( có diện tích hạn chế) và đai ôn đới gió mùa núi cao ( có diện tích nhỏ) và đặc trưng khí hậu mát mẻ và lạnh, độ ẩm lớn, lượng mưa cao, đất feralit có mùn, đất mùn alit và mùn thô, hệ sinh vật thay đổi từ cận nhiệt với rừng hỗn hợp, rừng lá kim sang hệ sinh vật vùng ôn đới.  + Hai đai này làm tăng tính đa dạng và bổ sung những nguồn tài nguyên thiên nhiên cho thiên nhiên nhiệt đới của nước ta. Bên cạnh cảnh quan thiên nhiên của vùng nhiệt đới, nhất là các loài sinh vật, nước ta còn có sự phong phú đa dạng của các tài nguyên và sinh vật cận nhiệt và ôn đới ( dẫn chứng). | 0,75  0,50  0,75 |
| **Câu IV**   1. **(3 điểm)** | **1** | **1. Sự khác nhau về khí hậu và thiên nhiên giữa sườn đông và sườn tây Trường Sơn Nam?**  - Đông Trường Sơn: (Nam Trung Bộ) Mùa mưa vào thu-đông từ tháng 8 đến tháng 1 năm sau do đón nhận trực tiếp các luồng gió thổi theo hướng đông bắc, tín phong bán cầu Bắc, bão, áp thấp từ Biển Đông, dải hội tụ nhiệt đới. Mùa hạ chịu phơn nên khô nóng. Mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nhưng yếu  - Tây Trường Sơn: (Tây Nguyên) Mùa mưa vào mùa hạ do đón nhận trực tiếp các luồng gió tây nam mang lại. từ tháng 5 đến tháng 6 gió mùa tây nam Bắc Ấn Độ Dương qua vịnh Bengan thổi vào nước ta gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên, đồng thời gây hiệu ứng phơn cho khu vực Đông Trường Sơn. Mùa khô ở Tây Nguyên hết sức khắc nghiệt, hình thành rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá (gọi là rừng khộp) | 0,75  0,75 |
| **2** | **2. Hệ thống sông Hồng có đặc điểm lũ “lên nhanh rút chậm” trong khi hệ thống sông Cửu Long có lượng nước lớn hơn lại có đặc điểm lũ “lên chậm rút chậm” Vì:**  **- Hệ thống sông Hồng có đặc điểm lũ “lên nhanh rút chậm” vì:**  + Hệ thống sông chảy qua vùng địa hình dốc.  + Hệ thống sông có cấu trúc nan quạt, nhiều phụ lưu đổ vào dòng chính tạo nên tổ hợp lũ.  + Hạ lưu ít cửa sông, lại chảy uốn khúc quanh co.  **- Hệ thống sông Cửu Long có đặc điểm lũ “lên chậm rút chậm” vì:**  + Hệ thống sông chảy qua vùng đồng bằng rộng lớn từ Thái Lan, Campuchia sang Việt Nam, địa thế không dốc.  + Được điều tiết nước bởi biển HồTônlêsap.  + Hạ lưu có mạng lưới sống ngòi, kênh rạch chằng chịt . | 0,75  0,75 |
| **Câu V**  **(3,0 điểm)** | **1** | **1. Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học: Nhận xét và giải thích đặc điểm phân bố dân cư ở Tây Nguyên của nước ta?**  Tây Nguyên bao gồm 5 tỉnh (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) nằm trên hệ thống các cao nguyên xếp tầng rộng lớn.  - Là một trong những vùng có mật độ dân cư thấp nhất so với cả nước, mật độ phổ biến từ 50 – 100 người/ km2. Nguyên nhân chủ yếu do địa hình cao, là vùng kinh tế chưa phát triển, hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và lâm nghiệp, cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế…  - Phân bố dân cư không đồng đều trong vùng. Có 5 cấp phân bố: cấp cao nhất lên tới 501 – 1000 người/km2 và thấp nhất là 50 người/km2.  + Những nơi có mật độ dân số đạt từ 201 – 500 người/km2  và 501 – 1000 người/km2 như các thành phố Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, Bảo Lộc và những vùng phụ cận do đây là các đô thị, nơi có nền kinh tế với các ngành công nghiệp, dịch vụ phát triển.  + Cấp từ 50 – 100 người/km2 và 101 – 200 người/km2 tập trung ở ven các đô thị và các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm như vùng ven các thành phố Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, Bảo Lộc…  + Cấp dưới 50 người/km2, tại các khu vực núi cao, rừng hoặc các nơi có điều kiện khó khăn cho sản xuát, giao thông đi lại như vùng biên giới với Lào và Campuchia, núi cao phía bắc cao nguyên Lâm Viên… | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **2. Cần chú trọng đầu tư phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi ở nước ta là vì:**  - Địa bàn cư trú của đồng bào dân tộc ít người thường là các khu vực miền núi, cao nguyên, đời sống gặp nhiều khó khăn; trong khi đó, họ là những người có đóng góp lớn cho việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc tăng cường đầu tư, góp phần xóa bỏ sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa miền ngược và miền xuôi.  - Đời sống kinh tê – xã hội của đồng bào dân tộc ít người còn chậm phát triển hơn so với các vùng khác. Do đó, việc chú trọng đầu tư sẽ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho bà con dân tộc, đảm bảo chính sách bình đẳng giữa các dân tộc.  - Địa bàn cư trú của các dân tộc thường là những nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, là khu vực biên giới giáp ranh với các nước láng giềng. Vì vậy, việc chú trọng đầu tư cho vùng dân tộc có ý nghĩa lớn trong việc khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên cũng như bảo vệ an ninh, quốc phòng đất nước. | 0,75  0,75  0,50 |
| **Câu VI**  **(3,0 điểm)** | **1** | **1.Việc đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp lâu năm ở vùng miền núi và trung du của nước ta có ý nghĩa lớn về mặt kinh tế, xã hội và môi trường tại vì:**  - Kinh tế:  + Tăng sản lượng nông phẩm phục vụ cho nhu cầu trong nước, thúc đẩy nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.  + Tạo nguồn hàng xuất khẩu, thu ngoại tệ, tích lũy vốn…  + Hình thành các mô hình sản xuất mới cho vùng trung du và miền núi.  - Xã hội:  + Thu hút lao động, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.  + Tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào các dân tộc trung du miền núi, hạn chế nạn du canh du cư.  + Thúc đẩy phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng…  + Giảm khoảng cách chênh lệch về kinh tế - xã hội giữa trung du miền núi và đồng bằng.  - Môi trường: + Trồng cây công nghiệp dài ngày (như cà phê, cao su, chè…) thực chất là trồng rừng, nếu như đảm bảo đúng các biện pháp kĩ thuật.  + Điều hòa khí hậu, nguồn nước, hạn chế xói mòn đất, hạn chế lũ lụt cho miền xuôi. | 0,50  0,50  0,50 |
| **2** | **2. Ngành thủy sản có sự phân hóa rõ rệt theo lãnh thổ:**  **- Phân hóa theo vùng:** Các vùng có ngành thủy sản phát triển:  + Đồng bằng sông Cửu Long (sản lượng cao nhất, cơ cấu nghiêng về nuôi trồng, giá trị sản xuất trong tổng giá trị sản xuất nông–lâm–thủy sản của các tỉnh là lớn nhất).  + Vùng duyên hải Miền Trung (sản lượng cao, cơ cấu nghiêng về đánh bắt, nhất là các tỉnh Duyên hải miền Trung, giá trị sản xuất trong tổng giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản lớn).  + Đồng bằng sông Hồng (sản lượng thấp hơn 2 vùng trên, cơ cấu nghiêng về nuôi trồng).  + Các vùng còn lại: chậm phát triển do không thuận lợi.  **- Phân hóa theo tỉnh:**  + Đánh bắt: lớn nhất là tỉnh Kiên Giang (32 vạn tấn; chiếm 15,2% sản lượng thủy sản đánh bắt của cả nước năm 2007).  + Nuôi trồng: lớn nhất là tỉnh An Giang (26,4 vạn tấn; chiếm 12,4% sản lượng thủy sản nuôi trồng của cả nước năm 2007).  + Giá trị sản xuất trong tổng giá trị sản xuất của khu vực I năm 2007: lớn nhất là các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đà Nẵng.  + Các tỉnh còn lại: tùy mức độ phân hóa. | 0,75  0,75 |
| **Câu VII**  **(3 điểm)** | **1** | **1. Nhận xét*:***  + Tổng sản lượng, sản lượng khai thác, sản lượng nuôi trồng, sản lượng bình quân đều tăng (dẫn chứng).  + Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác (dẫn chứng).  + Diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản, giá trị sản phẩm thu được trên 1 hécta mặt nước nuôi trồng thủy sản, giá trị xuất khẩu hàng thủy sản đều tăng (dẫn chứng).  + Tỉ trọng thủy sản nuôi trồng cao hơn thủy sản khai thác trong cơ cấu thủy sản (dẫn chứng).  + Tỉ trọng thủy sản nuôi trồng không ổn định và có xu hướng tăng, tỉ trọng thủy sản nuôi trồng không ổn định và có xu hướng giảm (dẫn chứng). | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **2. Giải thích:**  + Sản lượng thủy sản tăng do nhu cầu lớn, thay đổi trong xu thế sử dụng thực phẩm trong bữa ăn; nước ta khai thác ngày càng có hiệu quả lợi thế về nuôi trồng và đánh bắt thủy sản…(diễn giải).  + Sản lượng thủy sản bình quân tăng do tốc độ tăng sản lượng thủy sản nhanh hơn tốc độ tăng dân số,…  + Diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản tăng do nước đang khai thác có hiệu quả diện tích mặt nước, nuôi trồng có nhiều lợi thế phát triển,…(diễn giải).  + Giá trị sản phẩm thu được trên 1 hécta mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng do tác động của yếu tố thị trường,…  + Giá trị xuất khẩu thủy sản tăng do nhu cầu lớn trên thị trường thế giới, mở rộng thị trường xuất khẩu, thủy sản nước ta có lợi thế cạnh tranh lớn về giá cả…  + Thủy sản nuôi trồng chiếm tỉ trọng cao hơn và có xu hướng tăng do đem lại giá trị kinh tế cao, ổn định hơn, có thể nuôi được đặc sản, là nguồn xuất khẩu chính…Giai đoạn 2015 – 2016 tỉ trọng giảm do dịch bệnh, biến động của thị trường xuất khẩu…  + Thủy sản khai thác chiểm tỉ trọng thấp hơn và có xu hướng giảm do phụ thuộc vào tự nhiên, giá trị kinh tế thấp hơn. Giai đoạn 2015 – 2016 tỉ trọng tăng do hiện đại hóa trang thiết bị đánh bắt… | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Tổng điểm** |  | **Câu I+ Câu II + Câu III + Câu IV + Câu V + Câu VI + Câu VII** | **20,0** |

**-------------------------------HẾT-----------------------------------**